

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**
Địa chỉ: Tổ 57, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại: 0208 3848784 Fax: 0208 3848784

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÁNG 03 NĂM 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4600991286 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 08 năm 2025.

Tên Công ty : CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN
Tên giao dịch : THAI NGUYEN SEWERAGE AND URBAN INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT ONE MEMBER LIMITED COMPANY
Tên viết tắt : CÔNG TY THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN
Địa chỉ : Tổ 57, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại : (84-0208) 3848784
Fax : (84-0208) 3848784
Vốn điều lệ : 302.000.000.000 VND (Ba trăm lẻ hai tỷ)

Hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4600991286 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 08 năm 2025, Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên hoạt động theo các ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

Thoát nước và xử lý nước thải; Xây dựng công trình công ích; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Gia công cơ khí; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;...

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty gồm: Phòng Tổng hợp; Phòng Tài chính; Ban quản lý Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên; Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng; Xí nghiệp Thoát nước và Xây lắp.

Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành Công ty

Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty và Ban Điều hành điều hành hoạt động Công ty như sau:

Ông Dương Thái Sơn	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thịnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm theo quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 13/11/2025)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn - Định giá ACC_Việt Nam (ACC_Vietnam).

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số lợi nhuận kế toán trước thuế là 674.090.402 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành cho là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác. Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành



Dương Thái Sơn

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Số: 32026/BCKT/ACC_VIETNAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Kính gửi : CHỦ TỊCH VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam (ACC_VIETNAM) đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2025, Công ty thực hiện việc hạch toán ghi giảm giá trị nguyên giá, giá trị còn lại tài sản cố định tổn thất do thiên tai bão lũ là 2.304.048.620 VND và 1.108.844.518 VND theo Quyết định số 636B/QĐ-CTCT ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Công ty Về việc hạch toán giá trị tổn thất tài sản cố định của Công ty bị hư hỏng sau đợt ngập, lụt do cơn bão số 11(Matmo). Chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề nêu trên.

Công trình Bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt năm 2021: Công ty đã lập xong hồ sơ quyết toán, đang kiểm tra để ký xác nhận hồ sơ, sau đó trình Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành và trình Sở Tài chính thẩm tra quyết toán vốn đầu tư. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600991286 thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 08 năm 2025 là 302.000.000.000 VND. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, số vốn thực góp của chủ sở hữu đã góp là 19.167.356.680 VND, số vốn góp còn thiếu là 282.832.643.320 VND.

Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã đi vào hoạt động và ghi nhận doanh thu vận hành xử lý nước thải từ năm 2017. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Dự án vẫn chưa được nghiệm thu quyết toán tổng thể, chưa được cấp Giấy phép xả thải, hạ tầng ứng phó sự cố và Hệ thống quan trắc tự động. Công ty đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư dự án Cung cấp, lắp đặt Hệ thống quan trắc nước thải tự động và Lập hồ sơ cấp Giấy phép Môi trường cho Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng. UBND tỉnh đã có văn bản 1498/UBND-KT ngày 11 tháng 03 năm 2025 gửi các Sở ngành chuyên môn tham mưu giải quyết đề nghị của Công ty.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC_VIỆT NAM *phar*



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Đăng ký hành nghề số: 0814-2023-084-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Lê Thị Phương Thảo

Kiểm toán viên

Đăng ký hành nghề số: 2824-2026-084-01

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.958.213.601	82.963.205.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	22.851.816.639	14.065.516.013
1. Tiền	111		18.766.606.757	11.540.964.479
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.085.209.882	2.524.551.534
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.091.329.945	66.862.693.399
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	12.645.762.018	13.919.327.522
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	185.944.219	53.388.643.280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	801.255.889	1.043.540.093
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.541.632.181)	(1.541.632.181)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	8	-	52.814.685
III. Hàng tồn kho	140	7	4.953.760.631	1.870.620.740
1. Hàng tồn kho	141		5.168.890.279	2.016.171.891
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(215.129.648)	(145.551.151)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.306.386	164.375.362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	61.306.386	105.881.220
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	58.494.142
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.210.130.218.886	1.159.021.949.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.034.669.927	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4	397.382.903	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5	53.222.687.024	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	414.600.000	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		957.518.510.116	946.582.064.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	864.049.821.612	853.113.375.719
- Nguyên giá	222		871.755.062.843	859.973.021.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.705.241.231)	(6.859.645.517)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	93.468.688.504	93.468.688.504
- Nguyên giá	228		93.468.688.504	93.468.688.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		198.577.038.843	212.391.903.157
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	198.577.038.843	212.391.903.157
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	47.982.080
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	-	47.982.080
Tổng cộng tài sản	270		1.250.088.432.487	1.241.985.154.974

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.673.943.088	57.977.959.147
I. Nợ ngắn hạn	310		61.968.943.088	57.272.959.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	48.123.596.994	45.851.433.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.320.000	5.320.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	180.362.305	140.225.156
4. Phải trả người lao động	314		4.612.385.893	2.672.122.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		162.334.936	152.334.936
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		76.363.637	113.989.899
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.925.839.128	7.400.308.233
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.655.453.386	450.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		227.286.809	487.225.170
II. Nợ dài hạn	330		705.000.000	705.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	705.000.000	705.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.187.414.489.399	1.184.007.195.827
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	1.143.960.479.399	1.140.553.185.827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.167.356.680	19.167.356.680
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		637.206.713	494.200.760
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		559.461.584	476.686.512
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		559.461.584	476.686.512
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.123.596.454.422	1.120.414.941.875
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		43.454.010.000	43.454.010.000
1. Nguồn kinh phí	431		20.108.259.009	20.108.259.009
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		23.345.750.991	23.345.750.991
Tổng cộng nguồn vốn	440		1.250.088.432.487	1.241.985.154.974

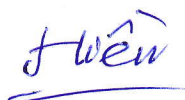
Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch







Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thu Hiền

Dương Thái Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		33.709.357.100	23.338.832.071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	33.709.357.100	23.338.832.071
4. Giá vốn hàng bán	11	18	25.450.337.431	17.350.055.471
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.259.019.669	5.988.776.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	73.113.115	79.864.873
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	6.549.010.171	7.604.121.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.783.122.613	(1.535.480.360)
11. Thu nhập khác	31		9.071	2.134.789.604
12. Chi phí khác	32	21	1.109.041.282	2.760.889
13. Lợi nhuận khác	40		(1.109.032.211)	2.132.028.715
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		674.090.402	596.548.355
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	114.628.818	119.861.843
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		559.461.584	476.686.512

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Chủ tịch

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thu Hiền

Dương Thái Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B03-DN	
			Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.198.425.611	27.073.489.567
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.707.714.512)	(13.463.683.002)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.529.762.651)	(8.042.726.635)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(100.000.000)	(153.116.857)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		803.368.390	3.304.248.503
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.396.408.222)	(4.604.278.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.267.908.616	4.113.933.081
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(554.721.105)	-
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		73.113.115	148.652.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(481.607.990)	148.652.567
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.786.300.626	3.762.585.648
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.065.516.013	10.302.930.365
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.851.816.639	14.065.516.013

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch







Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thu Hiền

Dương Thái Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4600991286 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 08 năm 2025.

Tên Công ty : CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN
Tên giao dịch : THAI NGUYEN SEWERAGE AND URBAN INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT ONE MEMBER LIMITED COMPANY
Tên viết tắt : CÔNG TY THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN
Địa chỉ : Tổ 57, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại : (84-0208) 3848784
Fax : (84-0208) 3848784
Vốn điều lệ : 302.000.000.000 VND (Ba trăm lẻ hai tỷ)

2. Hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4600991286 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 08 năm 2025, Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Hạ tầng Đô thị Thái Nguyên hoạt động theo các ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau: Thoát nước và xử lý nước thải; Xây dựng công trình công ích; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Gia công cơ khí; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;...

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty gồm: Công ty gồm: Phòng Tổng hợp; Phòng Tài chính; Ban quản lý Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên; Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng; Xí nghiệp Thoát nước và Xây lắp.

NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

b. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc kế toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - "Chuẩn mực chung" bao gồm: hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích, nhất quán, trọng yếu, phù hợp, tập hợp, bù trừ và có thể so sánh được. Việc trình bày báo cáo được tuân theo mẫu biểu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

c. Năm tài chính và hình thức kế toán

Báo cáo tài chính năm được bắt đầu từ ngày 01/01 cho đến ngày 31/12 năm dương lịch.
Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

d. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

e. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau: Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán; như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán); Phải thu nội bộ phản ánh các khoản nợ phải thu của Công ty với đơn vị cấp dưới. Các đơn vị cấp dưới trực thuộc trong trường hợp này là các đơn vị không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc nhưng có tổ chức công tác kế toán; Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

f. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối kỳ cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 06 tháng hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn trong tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

g. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho là bình quân gia quyền theo năm. Hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình.

h. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm giá trị các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng với thời hạn không quá 3 năm và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

i. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

j. Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thông tư 147/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT/BTC do bộ tài chính ban hành ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 147/2016/TT- BTC cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (Năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản khác	05 - 10

k. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả; Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc: Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua); Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

l. Ghi nhận doanh thu - giá vốn

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ của Công ty là doanh thu từ hoạt động Quản lý, vận hành Hệ thống xử lý nước thải; Nạo vét, duy tu sửa chữa Hệ thống thoát nước; Dịch vụ cho thuê mặt bằng; Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng...

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau: (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; (b) Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

m. Thuế

Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động Quản lý, vận hành Hệ thống xử lý nước thải; Nạo vét, duy tu sửa chữa Hệ thống thoát nước... là 8%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17%. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các khoản thuế khác sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

n. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp không ghi nhận theo vốn điều lệ trên giấy phép đăng ký kinh doanh. Khoản vốn góp huy động, nhận từ các chủ sở hữu luôn được ghi nhận theo sổ thực góp.

o. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể với công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Tổ 57, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	77.264.157	282.255.206
Tiền gửi ngân hàng	18.689.342.600	11.258.709.273
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - TK 114000082020	1.073.826	767.800.509
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - TK 3902526268	13.369.222	46.843.721
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	178.000.000	-
- Tiền gửi Kho bạc tỉnh	3.126.833.696	3.126.833.696
- Tiền gửi ngân hàng Lộc Phát Việt Nam- CN Thái Nguyên - TK 333355666666	939.528.920	5.382.743.249
- Tiền gửi Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam - TK 922988888888	14.430.536.936	1.934.488.098
Các khoản tương đương tiền	4.085.209.882	2.524.551.534
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam	4.085.209.882	2.524.551.534
Cộng	22.851.816.639	14.065.516.013

4. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.645.762.018	13.919.327.522
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Phan Đình Phùng	2.755.260.974	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	1.014.495.336	1.014.495.336
- BQL Dự án Hệ thống thoát nước và XLNT Thành phố Thái Nguyên (DA Pháp)	-	407.314.201
- Trung tâm quản lý, điều hành hoạt động xây dựng và giao thông vận tải	1.911.019.976	-
- Sở Xây dựng	6.824.448.887	8.476.010.921
- Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ	79.679.000	79.679.000
- Phải thu khách hàng khác	60.857.845	60.857.845
Phải thu của khách hàng dài hạn	397.382.903	-
- BQL Dự án Hệ thống thoát nước và XLNT Thành phố Thái Nguyên (DA Pháp)	397.382.903	-
Cộng	13.043.144.921	13.919.327.522

5. Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	185.944.219	53.388.643.280
Trung tâm Kiểm định chất lượng Thái Nguyên	-	74.450.268
Trả trước cho đối tượng khác	185.944.219	91.505.988
Công ty TNHH XD và TM Hữu Huệ	-	2.400.000.000
SODRAEP (*)	-	50.822.687.024
Trả trước cho người bán dài hạn	53.222.687.024	53.388.688.938
Công ty TNHH XD và TM Hữu Huệ	2.400.000.000	-
SODRAEP (*)	50.822.687.024	-
Cộng	53.408.631.243	53.388.643.280

(*) Khoản trả trước cho nhà cung cấp là khoản tạm ứng theo hợp đồng dịch vụ tư vấn (Bao gồm khảo sát, thiết kế, trợ giúp kỹ thuật) thuộc dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía nam thành phố Thái Nguyên, dự án được giao cho công ty quản lý.

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025		
	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần quốc tế Đông Á Hà Nội	1.541.632.181	-	1.541.632.181	1.541.632.181	1.541.632.181
Viện kinh tế xây dựng	1.014.495.336	-	1.014.495.336	-	1.014.495.336
Đối tượng khác	414.600.000	-	414.600.000	-	414.600.000
Tổng cộng	1.541.632.181	-	1.541.632.181	-	1.541.632.181

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	245.865.544	215.129.648	335.855.230	145.551.151
Công cụ, dụng cụ	3.601.499	-	1.634.166	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.919.423.236	-	1.678.682.495	-
Cộng	5.168.890.279	215.129.648	2.016.171.891	145.551.151

8. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	801.255.889	-	1.043.540.093	-
- Cổ phần hóa	410.243.000	-	410.243.000	-
- Tạm ứng	132.581.765	-	38.216.780	-
- Bảo hiểm xã hội	20.702.701	-	20.702.701	-
- Kinh phí công đoàn	769.388	-	79.280	-
- Gói thầu 11B	138.640.852	-	138.640.852	-
- Viện kinh tế Bộ xây dựng	-	-	414.600.000	-
- Phải thu khác	98.318.183	-	21.057.480	-
Dài hạn	414.600.000	-	-	-
- Viện kinh tế Bộ xây dựng	414.600.000	-	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	52.814.685	-
Cộng	1.215.855.889	-	1.096.354.778	-

9. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	61.306.386	105.881.220
Công cụ dụng cụ	61.306.386	105.881.220
Chi phí trả trước dài hạn	-	47.982.080
Công cụ dụng cụ	-	47.982.080
Cộng	61.306.386	153.863.300

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	198.577.038.843	212.391.903.157
Chi phí dự án các gói thầu DA Bỉ	181.449.332.948	181.449.332.948
Dự án khắc phục sự cố Hệ thống tủ điện	11.196.775.704	11.196.775.704
Công trình Bảo vệ môi trường 2021	5.930.930.191	5.930.930.191
Dự án Hồ sự cố kết hợp Hồ sinh học	-	13.814.864.314
Cộng	198.577.038.843	212.391.903.157

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**
Tổ 57, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm		TSCĐ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ														
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	432.832.142.590	393.598.925.005	32.287.864.001	411.495.800	577.246.977	265.346.863	859.973.021.236							
- Mua trong năm	-	475.350.000	-	-	-	-	475.350.000							
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.564.960.869	1.072.078.814	1.236.057.624	-	-	-	13.873.097.307							
- Giảm khác (bảo lỗ) (*)	(2.093.141.485)	(168.821.150)	(97.507.657)	(79.300.000)	-	(127.635.408)	(2.566.405.700)							
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	442.303.961.974	394.977.532.669	33.426.413.968	332.195.800	577.246.977	137.711.455	871.755.062.843							
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ														
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	3.005.249.702	1.351.493.600	2.284.545.331	130.150.000	-	88.206.884	6.859.645.517							
- Khấu hao trong năm	1.595.068.021	256.296.779	188.865.161	-	-	42.568.029	2.082.797.990							
- Giảm khác (bảo lỗ)	(1.089.092.191)	(21.290.336)	-	(79.300.000)	-	(47.519.749)	(1.237.202.276)							
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	3.511.225.532	1.586.500.043	2.473.410.492	50.850.000	-	83.255.164	7.705.241.231							
GIÁ TRỊ CÒN LẠI														
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	429.826.892.888	392.247.431.405	30.003.318.670	281.345.800	577.246.977	177.139.979	853.113.375.719							
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	438.792.736.442	393.391.032.626	30.953.003.476	281.345.800	577.246.977	54.456.291	864.049.821.612							

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 553.466.391 VND, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 553.466.391 VND. Nguyên giá tài sản cố định không tính khấu hao là 23.345.750.991 VND là những tài sản được UBND tỉnh cấp vốn đầu tư xây dựng chưa giao thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp và trong hợp đồng quản lý sử dụng nước thải và dự toán chi phí không được tính chi phí khấu hao. Nguyên giá tài sản giảm tồn thất do bảo lỗ giảm 2.566.405.700 VND

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Tổ 57, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	93.468.688.504	93.468.688.504
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	93.468.688.504	93.468.688.504
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	93.468.688.504	93.468.688.504
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	93.468.688.504	93.468.688.504

13. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	48.123.596.994	48.123.596.994	45.851.433.539	45.851.433.539
- Công ty CP Bơm Châu Âu	1.702.609.400	1.702.609.400	1.702.609.400	1.702.609.400
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	131.000.000	131.000.000	131.000.000	131.000.000
- Công ty TNHH Hoàng Mắm	14.296.652	14.296.652	781.560.235	781.560.235
- Công ty TNHH Tân Thịnh	-	-	2.251.178.349	2.251.178.349
- Công ty TNHH vệ sinh môi trường đô thị Nhật Hân	6.839.120.000	6.839.120.000	-	-
- Nhà thầu Á đông (Lắp đặt thiết bị cơ điện trạm xử lý)	296.841.018	296.841.018	296.841.018	296.841.018
- Nhà thầu DREGMONT(Gói thầu cung cấp thiết bị nhà máy)	26.947.691.795	26.947.691.795	26.947.691.795	26.947.691.795
- Nhà thầu VINCI-OTV (Gói thầu cung cấp thiết bị trạm bơm)	8.307.166.633	8.307.166.633	8.307.166.633	8.307.166.633
- Nhà thầu Đông Bắc (Xây lắp đường ven hồ)	221.090.426	221.090.426	221.090.426	221.090.426
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam -VCC	358.403.000	358.403.000	358.403.000	358.403.000
- Nhà thầu Hồng Quân (Xây lắp trạm bơm SP9)	223.121.195	223.121.195	223.121.195	223.121.195
- Công ty TNHH Phương Nga	568.908.435	568.908.435	568.908.435	568.908.435
- Phải trả đối tượng khác	2.513.348.440	2.513.348.440	4.061.863.053	4.061.863.053
Cộng	48.123.596.994	48.123.596.994	45.851.433.539	45.851.433.539

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	140.225.156	1.508.643.696	1.539.959.677	108.909.175
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(138.157)	114.628.818	100.000.000	14.490.661
- Thuế thu nhập cá nhân.	(58.355.985)	183.061.654	67.743.200	56.962.469
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	326.319.984	326.319.984	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản chậm nộp	-	195.318	195.318	-
Cộng	81.731.014	2.135.849.470	2.037.218.179	180.362.305
	01/01/2025			31/12/2025
Trong đó	VND			VND
Phải nộp	140.225.156			180.362.305
Phải thu	58.494.142			-
Phải nộp - phải thu	81.731.014			180.362.305

15. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	6.925.839.128	7.400.308.233
Các khoản phải trả của cá nhân	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Đào Mạnh Trường</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
Bảo hành công trình xây lắp:	5.293.109.160	5.293.109.160
<i>Công trình XL các hạng mục phụ trợ trạm xử lý (Công ty thoát nước)</i>	<i>536.023.755</i>	<i>536.023.755</i>
<i>Công trình XL Hồ điều hòa và 2 nhánh suối (Nhà thầu Viwaseen6)</i>	<i>450.110.776</i>	<i>450.110.776</i>
<i>Công trình XL tuyến ống thoát nước thải 1A (nhà thầu Viwaseen6)</i>	<i>861.698.007</i>	<i>861.698.007</i>
<i>Công trình XL tuyến ống thoát nước thải 1B (Nhà thầu UDIC)</i>	<i>1.480.705.153</i>	<i>1.480.705.153</i>
<i>Công trình nhà máy xử lý (Nhà thầu Đông đô + Hoàng hải)</i>	<i>1.964.571.469</i>	<i>1.964.571.469</i>
Phải trả, phải nộp khác	132.729.968	607.199.073
Dài hạn	705.000.000	705.000.000
Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (**)	705.000.000	705.000.000
Cộng	7.630.839.128	8.105.308.233

(**) Căn cứ theo Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2015 về việc Trích ngân sách tỉnh tạm ứng chi phí quản lý dự án năm 2015 cho Ban Quản lý dự án Thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	LNST chưa phân phối và các quỹ	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	19.167.356.680	361.756.247	981.075.153.631	441.481.712	1.001.045.748.270
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	12.778.971.965	-	12.778.971.965
- Lãi trong năm trước	-	-	-	476.686.512	476.686.512
- Tăng khác	-	-	132.244.116.262	-	132.244.116.262
- Hoàn trả lại nguồn vốn	-	-	(5.683.299.983)	-	(5.683.299.983)
- Phân bổ các quỹ	-	132.444.513	-	(441.481.712)	(309.037.199)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	19.167.356.680	494.200.760	1.120.414.941.875	476.686.512	1.140.553.185.827
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	3.202.650.659	-	3.202.650.659
- Lãi trong năm nay	-	-	-	559.461.584	559.461.584
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Hoàn trả lại nguồn vốn (*)	-	-	(21.138.112)	-	(21.138.112)
- Phân bổ các quỹ	-	143.005.953	-	(476.686.512)	(333.680.559)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	19.167.356.680	637.206.713	1.123.596.454.422	559.461.584	1.143.960.479.399

(*) Giảm theo quyết định phê duyệt quyết toán số 2528/QĐ-UBND ngày 30/6/2025

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**
Tổ 57, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Vốn từ nguồn ngân sách nhà nước cấp	19.167.356.680	19.167.356.680
Cộng	19.167.356.680	19.167.356.680

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.167.356.680	19.167.356.680
+ Vốn góp đầu năm	19.167.356.680	19.167.356.680
+ Vốn góp cuối năm	19.167.356.680	19.167.356.680
+ Vốn góp cuối năm	-	-

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu vận hành Hệ thống xử lý nước thải	21.653.818.237	14.498.209.151
- Doanh thu dịch vụ công ích (nạo vét, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước)	7.618.197.046	6.926.823.877
- Doanh thu dịch vụ	1.843.424.248	1.846.515.147
- Doanh thu các công trình khác	2.593.917.569	21.747.535
- Điều chỉnh theo doanh thu các năm trước	-	45.536.361
- <i>Điều chỉnh tăng</i>	-	45.536.361
Cộng	33.709.357.100	23.338.832.071

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn vận hành Hệ thống xử lý nước thải	16.852.192.898	12.514.276.921
- Giá vốn dịch vụ công ích (nạo vét, duy tu sửa chữa Hệ thống thoát nước)	6.287.901.814	4.807.404.306
- Giá vốn các công trình khác	2.240.664.222	5.922.214
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	69.578.497	22.452.030
Cộng	25.450.337.431	17.350.055.471

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	73.113.115	79.864.873
Cộng	73.113.115	79.864.873

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	194.580.000	3.271.453.992
Chi phí vật liệu quản lý	326.149.414	199.303.180
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.728.757	223.028.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.529.962	350.564.987
Thuế, phí và lệ phí	17.354.426	606.251.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.718.518.136	1.380.460.082
Chi phí bằng tiền khác	2.269.696.090	1.573.059.619
Chi phí dự phòng	1.655.453.386	-
Tổng	6.549.010.171	7.604.121.833

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	674.090.402	596.548.355
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	196.764	2.760.862
+ Chi phí không được trừ	196.764	2.760.862
Thu nhập tính thuế	674.287.166	599.309.217
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	17%	20%
Chi phí thuế TNDN	114.628.818	119.861.843
Chi phí thuế TNDN hiện hành	114.628.818	119.861.843

22. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.478.140.742	5.959.547.882
Chi phí nhân công	13.096.305.957	10.718.739.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.091.689.467	913.171.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.245.390.225	3.742.461.646
Chi phí khác bằng tiền	2.603.530.069	2.991.553.734
Chi phí dự phòng	1.725.031.883	628.703.130
Cộng	35.240.088.343	24.954.177.304

23. Lương, thù lao Ban Điều hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương, thù lao Ban Điều hành	1.558.960.000	1.115.148.298
Cộng	1.558.960.000	1.115.148.298

24. Giao dịch bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

- Ban quản lý Dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên

b) Số dư với các bên liên quan

Phải thu của các bên liên quan từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Ban quản lý Dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên

Cộng

Bản chất liên quan

Đơn vị trực thuộc Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
	397.382.903	407.314.201
Cộng	397.382.903	407.314.201

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Tổ 57, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu B09-DN

25. Số liệu so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch



Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thu Hiền

Dương Thái Sơn

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	1.541.632.181	1.541.632.181
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)	0	0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)		
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)		
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang		P (đồng)	81.731.014	752.220.500
8. Vốn điều lệ		P (đồng)	19.167.356.680	19.167.356.680
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	2.135.849.470	1.410.819.092



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	2.135.849.470	1.410.819.092
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	2.037.218.179	2.081.308.578
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P (đồng)	100.000.000	
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		P (đồng)	180.362.305	81.731.014
12. Tổng quỹ lương		P (đồng)	11.737.571.504	9.286.823.600
13. Số lao động bình quân (người)		P (đồng)	75,17	78,75
14. Tiền lương bình quân người/năm		P (đồng)	156.147.020	117.927.919

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Thu Hiền

Nguyễn Thị Thu Hiền

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Dương Thái Sơn

